

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày 01-3-2018

V/v: “Tranh chấp về quyền sở hữu
đối với tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tập
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số: 140/2016/TLST-DS ngày 06/4/2016 về “Tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thúy Thu H - Có mặt

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Nguyệt N (tên gọi khác: Nguyễn Thị Nguyệt N) - vắng mặt

Địa chỉ nơi cư trú: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Thúy Thu H trình bày: Ngày 04/02/2009 bà H có cho chị N vay 300.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 1%/tháng, không có tài sản bảo đảm, có viết giấy nợ, hẹn trong 03 tháng trả, nhưng sau đó chị N không trả, ngày 25/12/2010 chị N viết giấy xác nhận mượn tiền, nhất 03 tháng sau trả cả gốc và lãi, nhưng từ đó đến nay bà H đòi nhiều lần nhưng chị N không trả cho bà H khoản tiền nào. Do sự thân quen giữa hai gia đình nên khi chị N hỏi vay tiền là bà H đưa cho vay nên chị N vay tiền làm gì bà H không biết, khi vay chỉ có mình chị N hỏi vay. Do đó bà H yêu cầu cá nhân chị N trả cho bà H 300.000.000 đồng nợ gốc, ngoài ra không có yêu cầu gì khác và không yêu cầu chồng chị N phải có trách nhiệm cùng chị N trả cho bà H số nợ này. Bà H xin rút yêu cầu khởi kiện đòi chị N phải trả cho bà H 73.500.000 đồng tiền lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Nguyệt N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong Giấy mượn tiền mà bà H giao nộp cho Tòa án. Tại bản kết luận giám định số: 13/PC 54 ngày 28/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Nguyệt N trong giấy mượn tiền mà bà H giao nộp là của chị Nguyễn Nguyệt N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt. Thẩm phán vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Thúy Thu H. Buộc chị Nguyễn Nguyệt N có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Thúy Thu H 300.000.000 đồng tiền nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết là “Tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Nguyệt N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, chị N không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Theo yêu cầu của bà H, Tòa án Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Nguyệt N trong giấy mượn tiền đề ngày 25/12/2010 mà bà H giao nộp cho Tòa án so với chữ ký và chữ viết bên vay đứng tên Nguyễn Nguyệt N trong Hợp đồng tín dụng số 201100400 ngày 20/01/2011 tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Nơ Trang Long và bên vay vốn đứng tên Nguyễn Nguyệt N trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 9/09/HĐBL đề ngày 23/3/2009 tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Nơ Trang Long. Tại bản kết luận giám định số: 13/PC 54 ngày 28/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Nguyệt N trong Giấy mượn tiền mà bà H giao nộp cho Tòa so với mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

[4] Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Ngày 04/02/2009 chị Nguyễn Nguyệt N có vay của bà Vũ Thị Thúy Thu H 300.000.000 đồng; không thế chấp tài sản gì, ngày 25/12/2010 chị N viết giấy xác nhận có mượn 300.000.000 đồng của bà H vào ngày 04/02/2009 hẹn 03 tháng trả, từ đó đến nay chị N chưa trả tiền cho bà H là chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay đã hết, nay bà H khởi kiện yêu cầu chị N trả cho bà H 300.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 166, Điều 274, khoản 1 Điều 275 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[5] Xét việc bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 73.500.000 đồng tiền lãi; đây là sự tự nguyện của bà H nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

[5] Về án phí và chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Nguyễn Nguyệt N phải chịu: $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Nguyệt N phải chịu: 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định, bà H được nhận lại số tiền này khi thu được từ chị N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 166, Điều 274, khoản 1 Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Thúy Thu H. Buộc chị Nguyễn Nguyệt N (Nguyễn Thị Nguyệt N) trả cho bà Vũ Thị Thúy Thu H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện 73.500.000 đồng của bà Vũ Thị Thúy Thu H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí và chi phí giám định: Chị Nguyễn Nguyệt N phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm và 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định; bà Vũ Thị Thúy Thu H được nhận lại số tiền 4.320.000 đồng tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ chị Nguyễn Nguyệt N.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị Thúy Thu H 9.282.000 đồng (Chín triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Đặng Tiểu L đã nộp thay bà Vũ Thị Thúy Thu H tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0037367 ngày 04/4/2016.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư